TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL– TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Văn Chiểu**

2. Bà **Võ Tuyết Kha**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PLxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phan Thành Đ,** sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp MH, xã HP, huyện PL, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị T,** sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp Phước 3B, xã Vĩnh Phú Đông, huyện PL, tỉnh BL. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phan Thành Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện sống chung từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/9/2018. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 3 năm 2023 do sống chung không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn và không còn tình cảm. Nay anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai người con chung là Phan Thành T, sinh ngày 06/9/2018 và Phan Thanh N, sinh ngày 30/8/2020, hiện đang sống với anh Đ. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về T sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PLphát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh Đ được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Giao hai người con chung là Phan Thành T, sinh ngày 06/9/2018 và Phan Thanh N, sinh ngày 30/8/2020 cho anh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 900.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu T và cháu N tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/12/2023).

+ Về T sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T, chị T đang cư trú trên địa bàn huyện PLnên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PLthụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh Đ và chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Đ và chị T tự nguyện sống chung từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, anh Đ và chị T đã ly thân từ tháng 3 năm 2023, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng anh Đ và chị T không sống chung với nhau trong một thời gian dài mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập chị T nhiều lần nhưng chị T vẫn không đến, như vậy chị T đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh Đ và chị T

đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ ly hôn với chị T.

[4] Về con chung: Căn cứ theo T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của anh Đ thì anh Đ và chị T có hai người con chung là Phan Thành T, sinh ngày 06/9/2018 và Phan Thanh N, sinh ngày 30/8/2020, hiện đang sống với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung. Chị T đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của anh Đ nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Đ. Xét thấy, cháu T và cháu N sống cùng với anh Đ từ khi anh Đ và chị T ly thân đến nay và anh Đ cũng thừa nhận, hiện tại cháu T và cháu N phát triển tốt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ: Giao cháu Phan Thành T, sinh ngày 06/9/2018 và Phan Thanh N, sinh ngày 30/8/2020 cho anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình 2014 quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Do đó anh Đ yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ được chấp nhận. Buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phan Thành T, sinh ngày 06/9/2018 và Phan Thanh N, sinh ngày 30/8/2020 với số T là 900.000 đồng/tháng/cháu, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/12/2023) đến khi cháu T và cháu N tròn 18 tuổi.

[6] Về T sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Đ phải nộp 300.000 đồng, chị T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Phan Thành Đ ly hôn chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao hai người con chung là Phan Thành T, sinh ngày 06/9/2018 và Phan Thanh N, sinh ngày 30/8/2020 cho anh Phan Thành Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc chị Trần Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phan Thành T, sinh ngày 06/9/2018 và Phan Thanh N, sinh ngày 30/8/2020 với số T là 900.000 đồng/tháng/cháu, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/12/2023) đến khi cháu T và cháu N tròn 18 tuổi.

4. Về T sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phan Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng, anh Đ đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006255 ngày 04 tháng 10 năm 2023 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án. Buộc chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Như